

Phụ lục 1

DANH MỤC HỒ SƠ ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT, THAY ĐỔI ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT VÀ HỦY NIÊM YẾT TẠI SGDCK TP.HCM

(Ban hành kèm Quy chế niêm yết theo Quyết định số 10/QĐ-SGDHCM ngày 13 tháng 01 năm 2014 của Tổng Giám đốc SGDCK Tp.HCM)

Tên tài liệu	Mẫu số	Ghi chú
I- Danh mục hồ sơ đăng ký niêm yết		
1. Hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu		
1.1. Giấy đăng ký niêm yết cổ phiếu	Phụ lục 01(a)	Thông tư 73/2013/TT-BTC
1.2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông kỳ gần nhất thông qua việc niêm yết cổ phiếu	-	-
1.3. Sổ đăng ký cổ đông của tổ chức đăng ký niêm yết (lập trong thời hạn 01 tháng trước thời điểm nộp hồ sơ đăng ký niêm yết)	-	TTLKCK quy định
1.4. Tóm tắt nội dung sổ cổ đông	CBTT/SGDHCM-08	Quy chế CBTT tại SGDHCM
1.5. Bản liệt kê danh sách cổ đông nội bộ, người được ủy quyền công bố thông tin, cổ đông lớn, cổ đông chiến lược và danh sách những người liên quan của cổ đông nội bộ, người được ủy quyền công bố thông tin, cổ đông lớn	NY-10	
1.6. Danh sách cổ đông nội bộ, người được ủy quyền công bố thông tin và người có liên quan	CBTT/SGDHCM-03	Quy chế CBTT tại SGDHCM
1.7. Bản cáo bạch và phụ lục đính kèm	Phụ lục số 02	Thông tư 73/2013/TT-BTC
1.8. Cam kết nắm giữ chứng khoán (đối với cá nhân/và tổ chức)	NY-06 NY-07	Quy chế NY tại SGDHCM
1.9. Giấy cam kết hạn chế tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài theo quy định của pháp luật đối với lĩnh vực kinh doanh đặc thù (nếu có)	-	-
1.10. Văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước đối với tổ chức tín dụng cổ phần	-	-
1.11. Hợp đồng tư vấn niêm yết (nếu có)	-	-
1.12. Giấy chứng nhận (hoặc bản sao hợp lệ) của Trung tâm Lưu ký chứng khoán về việc cổ phiếu đăng ký	-	TTLKCK quy định

Tên tài liệu	Mẫu số	Ghi chú
niêm yết đã đăng ký lưu ký tập trung		
1.13. Bản sao hợp lệ Giấy phép kinh doanh chuyên ngành (nếu có)	-	-
1.14. Giấy uỷ quyền thực hiện công bố thông tin;	Phụ lục I	Thông tư 52/2012/TT-BTC
1.15. Quy trình nội bộ về công bố thông tin của tổ chức đăng ký niêm yết;	-	-
1.16. Quy chế nội bộ về quản trị công ty	-	-
1.17. Tổng hợp Quá trình tăng vốn	NY-04	Quy chế NY tại SGDHCM
1.18. Tổng hợp quá trình mua/bán cổ phiếu quỹ	NY-05	Quy chế NY tại SGDHCM
1.19. Cam kết niêm yết	NY-09	Quy chế NY tại SGDHCM
1.20. Sơ yếu lý lịch của cổ đông nội bộ và người được uỷ quyền công bố thông tin	CBTT/SGDHCM-01	Quy chế CBTT tại SGDHCM
1.21. Công văn công khai mọi khoản nợ đối với công ty của thành viên HĐQT, BKS, GD (TGD), Phó GD (Phó TGD), Kế toán trưởng, cổ đông lớn và những người có liên quan		
1.22. Công văn cam kết không có nợ phải trả quá hạn trên 01 năm tính đến thời điểm đăng ký niêm yết		
1.23. Giấy đăng ký ngày giao dịch lần đầu (nộp sau khi được chấp thuận niêm yết chính thức)	NY-01A	Quy chế NY tại SGDHCM
1.24. Các tài liệu cần thiết khác (nếu có)	-	-
2. Hồ sơ đăng ký niêm yết trái phiếu		
2.1. Giấy đăng ký niêm yết trái phiếu	Phụ lục 01(b)	Thông tư 73/2013/TT-BTC
2.2. Quyết định thông qua việc niêm yết trái phiếu trên SGDCK Tp.HCM của Hội đồng quản trị hoặc trái phiếu chuyển đổi của Đại hội đồng cổ đông (<i>đối với công ty cổ phần</i>), của Hội đồng thành viên (<i>đối với công ty trách nhiệm hữu hạn từ hai thành viên trở lên</i>), hoặc Chủ sở hữu công ty (<i>đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên</i>) hoặc của cấp có thẩm quyền (<i>đối với doanh nghiệp nhà nước</i>);	-	-
2.3. Sổ đăng ký chủ sở hữu trái phiếu của tổ chức đăng ký niêm yết	-	TTLKCK quy định

Tên tài liệu	Mẫu số	Ghi chú
2.4. Bản cáo bạch và phụ lục đính kèm	Phụ lục số 02	Thông tư 73/2013/TT-BTC
2.5. Cam kết thực hiện nghĩa vụ của tổ chức đăng ký niêm yết đối với nhà đầu tư, bao gồm các điều kiện thanh toán, tỷ lệ nợ trên Vốn chủ sở hữu, điều kiện chuyển đổi (trường hợp niêm yết trái phiếu chuyển đổi) và các điều kiện khác	-	-
2.6. Cam kết bảo lãnh thanh toán hoặc Biên bản xác định giá trị tài sản bảo đảm kèm theo tài liệu hợp lệ chứng minh quyền sở hữu hợp pháp và hợp đồng bảo hiểm (nếu có) đối với các tài sản đó trong trường hợp đăng ký niêm yết trái phiếu có bảo đảm. Tài sản dùng để bảo đảm phải được đăng ký với cơ quan có thẩm quyền.	-	-
2.7. Hợp đồng giữa tổ chức phát hành và đại diện người sở hữu trái phiếu		
2.8. Giấy chứng nhận (hoặc bản sao hợp lệ) của Trung tâm Lưu ký chứng khoán về việc trái phiếu đăng ký niêm yết đã đăng ký lưu ký tập trung	-	TTLKCK quy định
2.9. Bản sao hợp lệ Giấy phép kinh doanh chuyên ngành (nếu có);	-	-
2.10. Văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước đối với tổ chức tín dụng cổ phần	-	-
2.11. Giấy uỷ quyền thực hiện công bố thông tin;	Phụ lục I	Thông tư 52/2012/TT-BTC
2.12. Quy trình nội bộ về công bố thông tin của tổ chức đăng ký niêm yết;	-	-
2.13. Quy chế nội bộ về quản trị công ty (trường hợp tổ chức niêm yết trái phiếu là công ty đại chúng)	-	-
2.14. Cam kết niêm yết	NY-09	Quy chế NY tại SGDHCM
2.15. Công văn cam kết không có nợ phải trả quá hạn trên 01 năm tính đến thời điểm đăng ký niêm yết		
2.16. Giấy đăng ký ngày giao dịch lần đầu (nộp sau khi được chấp thuận niêm yết chính thức)	NY-01A	Quy chế NY tại SGDHCM
2.17. Các tài liệu cần thiết khác (nếu có)		
3. Hồ sơ đăng ký niêm yết chứng chỉ quỹ đầu tư		
3.1. Giấy đăng ký niêm yết chứng chỉ quỹ đầu tư	Phụ lục 01(c)	Thông tư 73/2013/TT-

Tên tài liệu	Mẫu số	Ghi chú
		BTC
3.2. Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ đầu tư	-	UBCKNN cấp
3.3. Quyết định của Đại hội người đầu tư về việc niêm yết chứng chỉ quỹ đại chúng (<i>trường hợp Điều lệ quỹ có quy định</i>);	-	Điều 8 Thông tư 224/2012/TT-BTC
3.4. Sổ đăng ký nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ đại chúng	-	TTLKCK quy định
3.5. Tóm tắt nội dung danh sách nhà đầu tư	CBTT/SGDHCM-09	Quy chế CBTT tại SGDHCM
3.6. Điều lệ quỹ đầu tư đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua	Phụ lục 11	Thông tư 224/2012/TT-BTC
3.7. Hợp đồng giám sát đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua	-	-
3.8. Bản cáo bạch;	Phụ lục số 03	Thông tư 73/2013/TT-BTC
3.9. Bản cung cấp thông tin của thành viên Ban đại diện quỹ;	Phụ lục 19	Thông tư 224/2012/TT-BTC
3.10. Danh sách nhà đầu tư nội bộ, người được uỷ quyền công bố thông tin và người có liên quan	CBTT/SGDHCM-03	Quy chế CBTT tại SGDHCM
3.11. Cam kết nắm giữ chứng khoán	NY-06 NY-07	Quy chế NY tại SGDHCM
3.12. Báo cáo kết quả đầu tư của quỹ tính đến thời điểm đăng ký niêm yết có xác nhận của ngân hàng giám sát;	-	-
3.13. Giấy chứng nhận (hoặc bản sao hợp lệ) của Trung tâm Lưu ký chứng khoán về việc chứng chỉ quỹ của quỹ đầu tư chứng khoán đã đăng ký lưu ký tập trung	-	TTLKCK quy định
3.14. Văn bản của công ty quản lý quỹ chỉ định hai (02) người điều hành Quỹ	-	-
3.15. Giấy uỷ quyền thực hiện công bố thông tin;	Phụ lục I	Thông tư 52/2012/TT-BTC
3.16. Quy trình nội bộ về công bố thông tin của Công ty	-	-

Tên tài liệu	Mẫu số	Ghi chú
quản lý quỹ đối với quỹ đầu tư đăng ký niêm yết;		
3.17. Cam kết niêm yết	NY-09	Quy chế NY tại SGDHCM
3.18. Giấy đăng ký ngày giao dịch lần đầu (nộp sau khi được chấp thuận niêm yết chính thức)	NY-01A	Quy chế NY tại SGDHCM
3.19. Các tài liệu cần thiết khác (nếu có)		
4. Hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán		
4.1. Giấy đăng ký niêm yết cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán	Phụ lục 01(d)	Thông tư 73/2013/TT-BTC
4.2. Giấy chứng nhận đăng ký thành lập công ty đầu tư chứng khoán	-	UBCKNN cấp
4.3. Quyết định của ĐHĐCĐ thông qua việc niêm yết cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán (<i>trường hợp Điều lệ công ty có quy định</i>)	-	Quy định tại Điều 8 Thông tư 227/2012/TT-BTC
4.4. Sổ đăng ký cổ đông của công ty đầu tư chứng khoán	-	TTLKCK quy định
4.5. Tóm tắt nội dung sổ cổ đông	CBTT/SGDHCM-08	Quy chế CBTT tại SGDHCM
4.6. Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán đã được ĐHĐCĐ thông qua;	Phụ lục số 03	Thông tư 227/2012/TT-BTC
4.7. Hợp đồng giám sát đã được ĐHĐCĐ thông qua		
4.8. Hợp đồng ủy thác giữa công ty đầu tư chứng khoán và công ty quản lý quỹ	-	-
4.9. Bản cáo bạch	Phụ lục số 04	Thông tư 73/2013/TT-BTC
4.10. Cam kết nắm giữ chứng khoán	NY-06 NY-07	Quy chế NY tại SGDHCM
4.11. Báo cáo kết quả đầu tư của công ty đầu tư chứng khoán tính đến thời điểm đăng ký niêm yết có xác nhận của ngân hàng giám sát;	-	-
4.12. Giấy chứng nhận (hoặc bản sao hợp lệ) của Trung tâm Lưu ký chứng khoán về việc cổ phiếu của công ty đầu tư đã đăng ký lưu ký tập trung	-	TTLKCK quy định
4.13. Giấy uỷ quyền thực hiện công bố thông tin;	Phụ lục I	Thông tư 52/2012/TT-

Tên tài liệu	Mẫu số	Ghi chú
		BTC
4.14. Quy trình nội bộ về công bố thông tin của công ty đầu tư chứng khoán	-	-
4.15. Quy chế nội bộ về quản trị công ty	-	-
4.16. Danh sách cổ đông nội bộ, người được uỷ quyền công bố thông tin và người có liên quan	CBTT/ SGDHCM -03	Quy chế CBTT tại SGDHCM
4.17. Sơ yếu lý lịch của cổ đông nội bộ và người được uỷ quyền công bố thông tin	CBTT/ SGDHCM -01	Quy chế CBTT tại SGDHCM
4.18. Cam kết niêm yết	NY-09	Quy chế NY tại SGDHCM
4.19. Giấy đăng ký ngày giao dịch lần đầu (nộp sau khi được chấp thuận niêm yết chính thức)	NY-01A	Quy chế NY tại SGDHCM
4.20. Các tài liệu cần thiết khác (nếu có)		
5. Các trường hợp khác		
5.1. Trường hợp tổ chức đã niêm yết cổ phiếu trên SGDCK Tp.HCM, hồ sơ đăng ký niêm yết trái phiếu không cần phải có các tài liệu quy định tại Điểm 2.9, 2.11, 2.12, 2.13 và 2.14 Khoản 2 Mục I.		
5.2. Trường hợp tổ chức đã niêm yết trái phiếu trên SGDCK Tp.HCM, hồ sơ đăng ký niêm yết trái phiếu mới không cần phải có các tài liệu quy định tại Điểm 2.9, 2.11, 2.12, 2.13 và 2.14 Khoản 2 Mục I.		
5.3. Trường hợp tổ chức đã niêm yết trái phiếu trên SGDCK Tp.HCM, hồ sơ niêm yết cổ phiếu không cần phải có các tài liệu quy định tại Điểm 1.13, 1.14, 1.15, 1.16 và 1.19 Khoản 1 Mục I.		
II- Hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu của công ty hình thành sau hợp nhất		
1. Trường hợp công ty hình thành sau hợp nhất từ hai (02) hoặc một số công ty đều là công ty niêm yết trên SGDCK Tp.HCM		
1.1. Giấy đăng ký niêm yết cổ phiếu	Phụ lục số 01 (a)	Thông tư 73/2013/TT- BTC
1.2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông kỳ gần nhất thông qua việc niêm yết cổ phiếu	-	-
1.3. Sổ đăng ký cổ đông của tổ chức đăng ký niêm yết được lập trong thời hạn một tháng trước thời điểm nộp hồ sơ	-	TTLKCK quy định
1.4. Tóm tắt nội dung sổ cổ đông	CBTT/ SGDHCM -08	Quy chế CBTT tại SGDHCM
1.5. Bản liệt kê danh sách cổ đông nội bộ, người được uỷ quyền công bố thông tin, cổ đông lớn, cổ đông	NY-10	

Tên tài liệu	Mẫu số	Ghi chú
chiến lược và danh sách những người liên quan của cổ đông nội bộ, người được ủy quyền công bố thông tin, cổ đông lớn		
1.6. Danh sách cổ đông nội bộ, người được ủy quyền công bố thông tin và người có liên quan	CBTT/ SGDHCM -03	Quy chế CBTT tại SGDHCM
1.7. Bản cáo bạch và phụ lục đính kèm (<i>ngoại trừ Phụ lục VI, VII về báo cáo kiểm toán và các báo cáo tài chính</i>)	Phụ lục số 02	Thông tư số 73/2013/TT- BTC
1.8. Báo cáo kiểm toán vốn của công ty hình thành sau hợp nhất		
1.9. Cam kết nắm giữ chứng khoán	NY-06 NY-07	Quy chế NY tại SGDHCM
1.10. Giấy cam kết hạn chế tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài theo quy định của pháp luật đối với lĩnh vực kinh doanh đặc thù (nếu có)	-	-
1.11. Hợp đồng tư vấn niêm yết (nếu có)	-	-
1.12. Giấy chứng nhận (hoặc bản sao hợp lệ) của Trung tâm Lưu ký chứng khoán về việc cổ phiếu đăng ký niêm yết đã đăng ký lưu ký tập trung	-	TTLKCK quy định
1.13. Bản sao hợp lệ Giấy phép kinh doanh chuyên ngành (nếu có)	-	-
1.14. Giấy uỷ quyền thực hiện công bố thông tin;	Phụ lục I	Thông tư 52/2012/TT- BTC
1.15. Quy trình nội bộ về công bố thông tin của tổ chức đăng ký niêm yết;	-	-
1.16. Quy chế nội bộ về quản trị công ty	-	-
1.17. Cam kết niêm yết	NY-09	Quy chế NY tại SGDHCM
1.18. Sơ yếu lý lịch của cổ đông nội bộ và người được ủy quyền công bố thông tin	CBTT/ SGDHCM -01	Quy chế CBTT tại SGDHCM
1.19. Công văn công khai mọi khoản nợ đối với công ty của thành viên HĐQT, BKS, GD (TGD), Phó GD (Phó TGD), Kế toán trưởng, cổ đông lớn và những người có liên quan		
1.20. Công văn cam kết không có nợ phải trả quá hạn trên 01 năm tính đến thời điểm đăng ký niêm yết		
1.21. Văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc hợp nhất doanh nghiệp (<i>trường hợp</i>		

Tên tài liệu	Mẫu số	Ghi chú
<i>phải có sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền)</i>		
1.22. Hợp đồng hợp nhất theo quy định của Luật Doanh nghiệp		
1.23. Giấy đăng ký ngày giao dịch lần đầu (nộp sau khi được chấp thuận niêm yết chính thức)	NY-01A	Quy chế NY tại SGDHCM
1.24. Các tài liệu cần thiết khác (nếu có)	-	-
2. Trường hợp công ty hình thành sau hợp nhất từ hai (02) hoặc một số công ty trong đó có ít nhất một công ty niêm yết và đồng thời có ít nhất một công ty không phải là công ty niêm yết trên SGĐCK Tp.HCM		
2.1. Giấy đăng ký niêm yết cổ phiếu	Phụ lục số 01 (a)	Thông tư số 73/2013/TT-BTC
2.2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông kỳ gần nhất thông qua việc niêm yết cổ phiếu	-	-
2.3. Sổ đăng ký cổ đông của tổ chức đăng ký niêm yết được lập trong thời hạn một tháng trước thời điểm nộp hồ sơ	-	TTLKCK quy định
2.4. Tóm tắt nội dung sổ cổ đông	CBTT/SGDHCM-08	Quy chế CBTT tại SGDHCM
2.5. Bản liệt kê danh sách cổ đông nội bộ, người được ủy quyền công bố thông tin, cổ đông lớn, cổ đông chiến lược và danh sách những người liên quan của cổ đông nội bộ, người được ủy quyền công bố thông tin, cổ đông lớn	NY-10	
2.6. Danh sách cổ đông nội bộ, người được ủy quyền công bố thông tin và người có liên quan	CBTT/SGDHCM-03	Quy chế CBTT tại SGDHCM
2.7. Bản cáo bạch và phụ lục đính kèm (<i>ngoại trừ Phụ lục VI, VII về báo cáo kiểm toán và các báo cáo tài chính</i>)	Phụ lục số 02	Thông tư số 73/2013/TT-BTC
2.8. Báo cáo kiểm toán vốn của công ty hình thành sau hợp nhất		
2.9. Cam kết nắm giữ chứng khoán	NY-06 NY-07	Quy chế NY tại SGDHCM
2.10. Giấy cam kết hạn chế tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài theo quy định của pháp luật đối với lĩnh vực kinh doanh đặc thù (nếu có)	-	-
2.11. Hợp đồng tư vấn niêm yết (nếu có)	-	-
2.12. Giấy chứng nhận (hoặc bản sao hợp lệ) của Trung	-	TTLKCK quy

Tên tài liệu	Mẫu số	Ghi chú
tâm Lưu ký chứng khoán về việc cổ phiếu đăng ký niêm yết đã đăng ký lưu ký tập trung		định
2.13. Bản sao hợp lệ Giấy phép kinh doanh chuyên ngành (nếu có)	-	-
2.14. Giấy uỷ quyền thực hiện công bố thông tin;	Phụ lục I	Thông tư 52/2012/TT-BTC
2.15. Quy trình nội bộ về công bố thông tin của tổ chức đăng ký niêm yết;	-	-
2.16. Quy chế nội bộ về quản trị công ty		
2.17. Cam kết niêm yết	NY-10	Quy chế NY
2.18. Sơ yếu lý lịch của cổ đông nội bộ và người được uỷ quyền công bố thông tin	CBTT/ SGDHCM -01	Quy chế CBTT tại SGDHCM
2.19. Công văn công khai mọi khoản nợ đối với công ty sau hợp nhất của thành viên HĐQT, BKS, GD (TGD), Phó GD (Phó TGD), Kế toán trưởng, cổ đông lớn và những người có liên quan		
2.20. Báo cáo tài chính kiểm toán 2 năm trước thời điểm hợp nhất của Công ty chưa niêm yết	-	-
2.21. Văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc hợp nhất doanh nghiệp (<i>trường hợp phải có sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền</i>)	-	-
2.22. Hợp đồng hợp nhất theo quy định của Luật Doanh nghiệp	-	-
2.23. Giấy đăng ký ngày giao dịch lần đầu (nộp sau khi được chấp thuận niêm yết chính thức)	NY-01A	Quy chế NY tại SGDHCM
2.24. Các tài liệu cần thiết khác (nếu có)	-	-
3. Hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu của công ty hình thành sau hợp nhất từ hai (02) hoặc một số công ty đều không phải là công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán: thực hiện như hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu lần đầu theo danh mục tại Khoản 1 Mục I Phụ lục này		
III- Hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu của công ty hình thành sau sáp nhập		
1. Trường hợp công ty nhận sáp nhập và công ty bị sáp nhập đều là công ty niêm yết trên SGDCK Tp.HCM, và trường hợp theo quy định tại điểm c Khoản 1.2 Điều 9 Quy chế niêm yết chứng khoán tại SGDCK Tp.HCM		
1.1 Giấy đề nghị thay đổi đăng ký niêm yết	NY-02A	Quy chế NY tại SGDHCM
1.2 Bản sao hợp lệ Giấy Chứng nhận đăng ký chào bán	-	-

Tên tài liệu	Mẫu số	Ghi chú
chứng khoán ra công chúng do UBCKNN cấp; hoặc tài liệu của UBCKNN không phản đối đợt phát hành/ đã nhận đầy đủ hồ sơ của đợt phát hành		
1.3 Bản sao hợp lệ Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh	-	-
1.4 Quyết định thông qua việc thay đổi niêm yết cổ phiếu của ĐHĐCĐ của tổ chức niêm yết nhận sáp nhập	-	-
1.5 Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu	Phụ lục số 13A Mẫu số 02	Thông tư 204/2012/TT-BTC Nghị định 58/2012/NĐ-CP
1.6 Văn bản xác nhận kết quả phát hành của UBCKNN (nếu có)		
1.7 File sổ theo dõi cổ đông sau sáp nhập	-	TTLKCK quy định
1.8 Tóm tắt nội dung sổ cổ đông sau sáp nhập.	CBTT/SGDHCM-08	Quy chế CBTT tại SGDHCM
1.9 Báo cáo kiểm toán vốn		
1.10 Văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc sáp nhập doanh nghiệp (<i>trường hợp phải có sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền</i>)	-	-
1.11 Hợp đồng sáp nhập đã được thông qua bởi các tổ chức liên quan	-	-
1.12 Phương án sáp nhập đã được ĐHĐCĐ các công ty thông qua	-	-
1.13 Bản liệt kê danh sách cổ đông nội bộ, người được ủy quyền công bố thông tin, cổ đông lớn, cổ đông chiến lược và danh sách những người liên quan của cổ đông nội bộ, người được ủy quyền công bố thông tin, cổ đông lớn (<i>nếu có sự thay đổi</i>)	NY-10	Quy chế NY tại SGDHCM
1.14 Danh sách cổ đông nội bộ, người được ủy quyền công bố thông tin và người có liên quan (<i>nếu có sự thay đổi</i>)	CBTT/SGDHCM-03	Quy chế CBTT tại SGDHCM
1.15 Sơ yếu lý lịch của cổ đông nội bộ và người được ủy quyền công bố thông tin (<i>nếu có sự thay đổi</i>)	CBTT/SGDHCM-01	Quy chế CBTT tại SGDHCM

Tên tài liệu	Mẫu số	Ghi chú
1.16 Điều lệ của công ty sau sáp nhập đã được ĐHCĐ thông qua	-	-
1.17 Các tài liệu khác liên quan đến việc thay đổi số lượng chứng khoán niêm yết (nếu có).	-	-
1.18 Giấy đăng ký ngày giao dịch bổ sung (<i>nộp sau khi được chấp thuận chính thức về việc thay đổi đăng ký niêm yết</i>)	NY-01B	Quy chế NY tại SGDHCM
2. Trường hợp công ty nhận sáp nhập là công ty niêm yết, công ty bị sáp nhập không phải là công ty niêm yết theo quy định tại Điểm a và b Khoản 1.2 Điều 9 Quy chế niêm yết chứng khoán tại SGDCCK Tp.HCM		
2.1. Giấy đăng ký niêm yết cổ phiếu	Phụ lục số 01 (a)	Thông tư số 73/2013/TT-BTC
2.2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông kỳ gần nhất thông qua việc niêm yết cổ phiếu	-	-
2.3. Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu	Phụ lục số 13A Mẫu số 02	Thông tư 204/2012/TT-BTC Nghị định 58/2012/NĐ-CP
2.4. Văn bản xác nhận kết quả phát hành của UBCKNN (nếu có)		
2.5. Sổ đăng ký cổ đông của tổ chức đăng ký niêm yết được lập trong thời hạn một tháng trước thời điểm nộp hồ sơ	-	TTLKCK quy định
2.6. Tóm tắt nội dung sổ cổ đông	CBTT/ SGDHCM -08	Quy chế CBTT tại SGDHCM
2.7. Bản liệt kê danh sách cổ đông nội bộ, người được ủy quyền công bố thông tin, cổ đông lớn, cổ đông chiến lược và danh sách những người liên quan của cổ đông nội bộ, người được ủy quyền công bố thông tin, cổ đông lớn (<i>nếu có sự thay đổi</i>)	NY-10	Quy chế NY tại SGDHCM
2.8. Danh sách cổ đông nội bộ, người được ủy quyền công bố thông tin và người có liên quan (<i>nếu có sự thay đổi</i>)	CBTT/ SGDHCM -03	Quy chế CBTT tại SGDHCM
2.9. Bản cáo bạch và phụ lục đính kèm	Phụ lục số 02	Thông tư số 73/2013/TT-BTC
2.10. Cam kết nắm giữ chứng khoán	NY-06	Quy chế NY

Tên tài liệu	Mẫu số	Ghi chú
	NY-07	tại SGDHCM
2.11. Giấy cam kết hạn chế tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài theo quy định của pháp luật đối với lĩnh vực kinh doanh đặc thù (nếu có)	-	-
2.12. Hợp đồng tư vấn niêm yết (nếu có)	-	-
2.13. Giấy chứng nhận (hoặc bản sao hợp lệ) của Trung tâm Lưu ký chứng khoán về việc cổ phiếu đăng ký niêm yết đã đăng ký lưu ký tập trung	-	TTLKCK quy định
2.14. Bản sao hợp lệ Giấy phép kinh doanh chuyên ngành (nếu có)	-	-
2.15. Giấy uỷ quyền thực hiện công bố thông tin (nếu có thay đổi);	Phụ lục I	Thông tư 52/2012/TT-BTC
2.16. Sơ yếu lý lịch của cổ đông nội bộ và người được uỷ quyền công bố thông tin	CBTT/ SGDHCM -01	Quy chế CBTT tại SGDHCM
2.17. Công văn công khai mọi khoản nợ đối với công ty của thành viên HĐQT, BKS, GD (TGD), Phó GD (Phó TGD), Kế toán trưởng, cổ đông lớn và những người có liên quan		
2.18. Văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc sáp nhập doanh nghiệp (trường hợp phải có sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền)	-	-
2.19. Hợp đồng sáp nhập đã được thông qua bởi các tổ chức liên quan	-	-
2.20. Phương án sáp nhập đã được ĐHĐCĐ thông qua	-	-
2.21. Báo cáo tài chính được kiểm toán 2 năm trước liền kề (trước khi sáp nhập) của công ty bị sáp nhập và công ty nhận sáp nhập	-	-
2.22. Báo cáo tài chính hợp nhất năm được kiểm toán hoặc Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên được kiểm toán (lập ngay sau thời điểm sáp nhập) của công ty hình thành sau sáp nhập. Trường hợp việc phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phiếu của công ty bị sáp nhập được thực hiện trước khi lập báo cáo tài chính hợp nhất năm, công ty hình thành sau sáp nhập nộp báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán (lập ngay sau thời điểm sáp nhập).	-	-
2.23. Giấy đăng ký ngày giao dịch bổ sung (nộp sau khi được chấp thuận niêm yết chính thức)	NY-01A	Quy chế NY tại SGDHCM

Tên tài liệu	Mẫu số	Ghi chú
2.24. Các tài liệu cần thiết khác (nếu có)	-	-
3. Hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu đối với công ty cổ phần hình thành sau sáp nhập trường hợp công ty nhận sáp nhập không phải là công ty niêm yết trên SGDCK Tp.HCM: thực hiện như hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu lần đầu theo danh mục tại Khoản 1 Mục I Phụ lục này		
4. Hồ sơ đăng ký niêm yết trái phiếu của công ty hình thành sau hợp nhất/sáp nhập: Thực hiện như hồ sơ đăng ký niêm yết trái phiếu theo danh mục tại Khoản 2 Mục I Phụ lục này		
IV – Hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết		
1. Trường hợp thay đổi đăng ký niêm yết do phát hành thêm chứng khoán để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu/ trả cổ tức bằng cổ phiếu/ huy động vốn làm tăng vốn điều lệ/ chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu		
1.1. Giấy đề nghị thay đổi đăng ký niêm yết	NY-02A	Quy chế NY tại SGDHCM
1.2. Bản sao hợp lệ Giấy Chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng do UBCKNN cấp; hoặc văn bản của UBCKNN đã nhận đầy đủ hồ sơ của đợt phát hành	-	-
1.3. Quyết định thông qua việc thay đổi niêm yết cổ phiếu của ĐHĐCĐ	-	-
1.4. Báo cáo kết quả phát hành	Phụ lục số 13A Phụ lục 08, 11 Mẫu số 02	Thông tư 204/2012/TT-BTC Thông tư 130/2012/TT-BTC Nghị định 58/2012/NĐ-CP
1.5. Báo cáo kết quả chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu (trường hợp chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu)	NY-08	Quy chế NY tại SGDHCM
1.6. Văn bản xác nhận kết quả phát hành của UBCKNN (nếu có)		
1.7. File sổ theo dõi cổ đông sau khi hoàn tất việc thay đổi số lượng chứng khoán	-	TTLKCK quy định
1.8. Tóm tắt nội dung sổ cổ đông sau khi hoàn tất việc thay đổi số lượng chứng khoán.	CBTT/SGDHCM	Quy chế CBTT tại

Tên tài liệu	Mẫu số	Ghi chú
	-08	SGDHCM
1.9. Xác nhận của Ngân hàng về số tiền thu được từ đợt phát hành.	-	-
1.10. Báo cáo kiểm toán vốn		
1.11. Đối với hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết trong trường hợp phát hành cổ phiếu để trả cổ tức/tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu không cần phải có các tài liệu quy định tại điểm 1.9 và 1.10 trên đây	-	-
1.12. Giấy chứng nhận đăng ký lưu ký đối với số lượng chứng khoán phát hành thêm (hoặc bản sao hợp lệ)		TTLKCK quy định
1.13. Các tài liệu khác liên quan đến việc thay đổi số lượng chứng khoán niêm yết (nếu có).		
1.14. Giấy đăng ký ngày giao dịch bổ sung (<i>nộp sau khi được chấp thuận chính thức về việc thay đổi đăng ký niêm yết</i>)	NY-01B	Quy chế NY tại SGDHCM
2. Trường hợp thay đổi đăng ký niêm yết do phát hành thêm chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư hiện hữu thông qua phát hành quyền mua chứng chỉ quỹ đóng hoặc thanh toán lợi tức bằng chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư.		
2.1. Giấy đề nghị thay đổi đăng ký niêm yết	NY-02B	Quy chế NY tại SGDHCM
2.2. Bản sao hợp lệ Giấy Chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng do UBCKNN cấp; hoặc văn bản của UBCKNN đã nhận đầy đủ hồ sơ của đợt phát hành		
2.3. Quyết định thông qua việc thay đổi niêm yết chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán của Đại hội nhà đầu tư (<i>trường hợp Điều lệ quỹ có quy định</i>)		Điều 8 Thông tư 224/2012/TT-BTC
2.4. Báo cáo kết quả phát hành	Phụ lục 21	Thông tư 224/2012/TT-BTC
2.5. Văn bản xác nhận kết quả phát hành của UBCKNN (nếu có)		
2.6. File sổ theo dõi người đầu tư sau khi hoàn tất việc thay đổi số lượng chứng khoán	-	TTLKCK quy định
2.7. Tóm tắt nội dung danh sách nhà đầu tư sau khi hoàn tất việc thay đổi số lượng chứng khoán.	CBTT/ SGDHCM -09	Quy chế CBTT tại SGDHCM
2.8. Báo cáo kiểm toán vốn (<i>trừ trường hợp thanh toán lợi tức bằng chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư</i>)		

Tên tài liệu	Mẫu số	Ghi chú
2.9. Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ điều chỉnh do UBCKNN cấp		
2.10. Giấy chứng nhận đăng ký lưu ký đối với số lượng chứng khoán phát hành thêm (hoặc bản sao hợp lệ)		TTLKCK quy định
2.11. Các tài liệu khác liên quan đến việc thay đổi số lượng chứng khoán niêm yết (nếu có).		
2.12. Giấy đăng ký ngày giao dịch bổ sung (<i>nộp sau khi được chấp thuận chính thức về việc thay đổi đăng ký niêm yết</i>)	NY-01B	Quy chế NY tại SGDHCM
3. Trường hợp tách/ gộp cổ phiếu		
3.1. Các tài liệu quy định từ 1.1 đến 1.8 Mục IV		
3.2. Cam kết nắm giữ cổ phiếu của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng và cổ đông sáng lập (nếu có)	NY-06 NY-07	Quy chế NY tại SGDHCM
3.3. Điều lệ sửa đổi của tổ chức niêm yết đã được đại hội đồng cổ đông thông qua sau khi thay đổi số lượng chứng khoán do tách/gộp cổ phiếu		
3.4. Giấy chứng nhận đăng ký lưu ký chứng khoán thay đổi (hoặc bản sao hợp lệ)		TTLKCK quy định
3.5. Các tài liệu khác liên quan đến việc thay đổi số lượng chứng khoán niêm yết (nếu có).		
3.6. Giấy đăng ký ngày giao dịch bổ sung (<i>nộp sau khi được chấp thuận chính thức về việc thay đổi đăng ký niêm yết</i>)	NY-01B	Quy chế NY tại SGDHCM
V- Hồ sơ đăng ký hủy niêm yết tự nguyện		
1. Giấy đề nghị hủy niêm yết	NY-03A, NY-03B,	Quy chế NY tại SGDHCM
2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy bỏ niêm yết cổ phiếu; quyết định của Hội đồng Quản trị (trường hợp công ty cổ phần) hoặc Hội đồng thành viên (trường hợp công ty TNHH) hoặc chủ sở hữu vốn (trường hợp công ty TNHH 1 thành viên) hoặc văn bản chấp thuận của cấp có thẩm quyền (trường hợp doanh nghiệp Nhà nước) thông qua về việc hủy bỏ niêm yết trái phiếu; quyết định của Đại hội đồng nhà đầu tư thông qua việc hủy niêm yết của chứng chỉ quỹ.	-	-
3. Phương án giải quyết quyền lợi cho cổ đông/ trái chủ/ nhà đầu tư	-	-